

Số: /BC-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Tổng kết thực hiện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, đề xuất Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Văn bản số 6631/BLĐTBXH-VPQGGN ngày 26/12/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình), đề xuất Chương trình giai đoạn 2026 - 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh báo cáo kết quả thực hiện như sau:

Phần thứ nhất

TỔNG KẾT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành Chương trình

a) Đánh giá công tác kiện toàn Ban chỉ đạo: thực hiện Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã thành lập Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia; xây dựng đô thị văn minh và Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025 do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban. Ban hành Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 10/3/2023 về việc thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và xây dựng đô thị văn minh tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là Ban chỉ đạo), kiện toàn Ban chỉ đạo (Quyết định số 2986/QĐ-UBND ngày 26/12/2024) đồng thời chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện kiện toàn ngay khi có sự thay đổi về nhân sự.

b) Tình hình chỉ đạo của Ban chỉ đạo

- Ban chỉ đạo tỉnh Hà Tĩnh hoạt động theo quy chế tại Quyết định số 36/QĐ-BCĐ ngày 21/6/2022 và Kế hoạch số 42/KH-BCĐ ngày 14/7/2022 của Ban chỉ đạo tỉnh; chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Trưởng Ban chỉ đạo.

- Ban chỉ đạo đã tham mưu giúp việc cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp giải quyết những công việc liên quan đến quản lý và tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và

xây đô thị văn minh trên địa bàn tỉnh. Ban chỉ đạo làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao trách nhiệm của cá nhân người đứng đầu; tập thể thảo luận, Trưởng ban chỉ đạo kết luận và chỉ đạo thực hiện. Thành viên Ban chỉ đạo tham gia, thực hiện đầy đủ các hoạt động của Ban chỉ đạo và kịp thời báo cáo, chịu trách nhiệm trước Trưởng ban chỉ đạo về các nhiệm vụ được phân công theo quy định.

- Căn cứ nhiệm vụ được giao, Ban chỉ đạo đã chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan Thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững) phối hợp với các sở, ngành liên quan, các địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; thực hiện chế độ báo cáo, đánh giá kết quả các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định. Trong đó, thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Đánh giá mức độ đầy đủ, kịp thời của các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chương trình: tỉnh Hà Tĩnh đã kịp thời ban hành hệ thống các văn bản triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo như Kế hoạch¹ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết² của Hội đồng nhân dân tỉnh, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, chương trình, kế hoạch của các cơ quan chủ trì các dự án, tiểu dự án nhằm thực hiện các mục tiêu trọng tâm, chỉ đạo xuyên suốt có tác động sâu rộng, toàn diện đến đời sống an sinh xã hội (*có danh mục văn bản kèm theo*).

2. Công tác quản lý thực hiện Chương trình

a) Công tác điều hành, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương tập trung cao trong thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ, có hiệu quả các chương trình, chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo. Cùng với cấp ủy, chính quyền, mặt trận, các hội, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn tích cực vào cuộc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức đã phát huy vai trò của mình trong công tác tuyên truyền, vận động, giám sát thực hiện chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo, đưa các hoạt động giảm nghèo đi vào cuộc sống. Nhiều phong trào đã tạo được sự chuyển biến tích cực về nhận thức và khơi dậy được ý chí chủ động, tự lực vươn lên của người nghèo; ý thức, trách nhiệm của người dân và xã hội trong việc thoát nghèo bền vững, tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng, đặc biệt là trong giám sát điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo hằng năm.

b) Đánh giá tình hình thực hiện công tác báo cáo, giám sát, đánh giá định kỳ

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 17/02/2023 về giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Theo đó công tác kiểm tra, giám sát được triển khai theo kế hoạch hàng năm, cụ thể: (1) ở cấp tỉnh, mỗi năm tổ chức từ 01 - 02 đợt (đợt 1 vào tháng 5 - 6, đợt 2 vào tháng 10 - 11), số đơn vị

¹ Kế hoạch số 45/KT/TU ngày 24/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tĩnh về thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030.

² Nghị quyết số 72/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về quy định một số chính sách giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025.

kiểm tra, giám sát: từ 03 - 05 đơn vị cấp huyện/đợt kiểm tra; (2) ở cấp huyện: mỗi năm tổ chức 02 đợt (đợt 1 vào tháng 4 - 5, đợt 2 vào tháng 9 - 10), số đơn vị kiểm tra, giám sát: từ 03- 05 đơn vị cấp xã/đợt kiểm tra.

- Qua công tác kiểm tra, giám sát cho thấy các nội dung của Chương trình được triển khai thực hiện đảm bảo đúng đối tượng thụ hưởng. Quy trình triển khai từ khâu lập kế hoạch đến tổ chức thực hiện đảm bảo nguyên tắc công khai, có sự tham gia của người dân, cộng đồng. Các hoạt động của Chương trình phù hợp tình hình thực tế của người nghèo nói riêng và tình hình kinh tế xã hội của địa phương nói chung đồng thời gắn liền với mục tiêu giải quyết các nhu cầu của cộng đồng, tạo được sự đồng thuận và tin tưởng của người dân trong suốt quá trình triển khai Chương trình.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH (số liệu ước tính đến ngày 31/12/2025)

- Tổng nguồn vốn được phân bổ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025: 376.868 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 297.719 triệu đồng (bao gồm vốn đầu tư phát triển: 12.007 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 285.712 triệu đồng);

+ Ngân sách tỉnh: 37.741 triệu đồng (bao gồm vốn đầu tư phát triển: 10.000 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 27.741 triệu đồng);

+ Nguồn huy động từ người dân tham gia các dự án, tiểu dự án của Chương trình: 41.408 triệu đồng.

- Tổng kinh phí giải ngân:

+ Giai đoạn 2021 - 2024: 198.375 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 149.652 triệu đồng (bao gồm vốn đầu tư phát triển: 254 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 149.348 triệu đồng); ngân sách tỉnh vốn sự nghiệp 13.316 triệu đồng; nguồn huy động khác 35.407 triệu đồng;

+ Ước thực hiện năm 2025: 70.971 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 62.045 triệu đồng (bao gồm vốn đầu tư phát triển: 2.918 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 59.127 triệu đồng); ngân sách tỉnh vốn sự nghiệp 5.913 triệu đồng; nguồn huy động khác 3.013 triệu đồng.

1. Kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án

1.1. Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

- Tổng kinh phí phân bổ: 145.200 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 106.339 triệu đồng; ngân sách địa phương 10.316 triệu đồng; huy động khác 28.545 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện giai đoạn 2021 - 2024:

+ Tổng kinh phí thực hiện: 93.375 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 63.119 triệu đồng; ngân sách địa phương 5.615 triệu đồng; huy động khác 24.641 triệu đồng;

+ Toàn tỉnh xây dựng, triển khai thực hiện dự án 537 dự án, trong đó có 534 mô hình chăn nuôi (lợn, bò, gà, dê, ong...), 01 dự án trồng trọt (cây cam, bưởi), 02 dự án phi nông nghiệp, triển khai thực hiện tại 12/12 huyện, thành phố, thị xã với 9.150 hộ tham gia. Kết quả cho thấy các mô hình đa dạng hóa sinh kế đã phát huy hiệu quả, góp

phần tạo việc làm cho người dân, tăng thu nhập cho hộ gia đình, giúp hơn 8.600 hộ thoát nghèo bền vững.

- Ước thực hiện năm 2025: 33.464 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 28.592 triệu đồng; ngân sách địa phương 2.859 triệu đồng; huy động khác 2.013 triệu đồng.

- Ưu điểm: Dự án 2 đã hỗ trợ nguồn lực to lớn cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ gia đình có người khuyết tật không có sinh kế ổn định. Người dân được tiếp cận mô hình sản xuất, có trách nhiệm với nguồn vốn của Nhà nước, đời sống thu nhập được nâng lên; người nghèo được tạo sinh kế, từng bước ổn định cuộc sống, dần vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Khó khăn, vướng mắc: quy trình, hồ sơ thủ tục triển khai các mô hình khá phức tạp, khó khăn trong quá trình thực hiện.

- Nguyên nhân: ngay từ đầu kỳ quy trình, hồ sơ, thủ tục thực hiện các mô hình chưa thống nhất do Trung ương hay địa phương quy định.

1.2. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Tổng kinh phí phân bổ: 63.064 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 45.785 triệu đồng; ngân sách địa phương 4.416 triệu đồng; ngân sách huy động 12.863 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện giai đoạn 2021 - 2024:

- + Tổng kinh phí thực hiện: 38.658 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương: 25.610 triệu đồng; ngân sách địa phương 2.282 triệu đồng; ngân sách huy động 10.766 triệu đồng;

- + Toàn tỉnh xây dựng, triển khai 323 dự án, trong đó có 315 dự án chăn nuôi (lợn, bò, gà, dê, ong...), 08 dự án trồng trọt (cây cam, bưởi), triển khai thực hiện tại 12/12 huyện, thành phố, thị xã với 3.908 hộ tham gia. Kết quả cho thấy các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đều phát huy hiệu quả, giúp gần 2.000 hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo bền vững.

- Ước thực hiện năm 2025: 9.759 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 7.963 triệu đồng; ngân sách địa phương 796 triệu đồng; ngân sách huy động 1.000 triệu đồng.

- Ưu điểm: Tiểu dự án 1 (Dự án 3) đã hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo và các nhóm đối tượng tham gia dự án nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững.

- Khó khăn, vướng mắc: quy trình, hồ sơ, thủ tục triển khai các mô hình khá phức tạp, khó khăn trong quá trình thực hiện.

- Nguyên nhân: ngay từ đầu kỳ quy trình, hồ sơ, thủ tục thực hiện các mô hình chưa thống nhất do Trung ương quy định hay địa phương quy định.

b) Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng

- Tổng kinh phí phân bổ: 15.777 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 14.385 triệu đồng; ngân sách địa phương 1.392 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện giai đoạn 2021 - 2024:

+ Tổng kinh phí thực hiện: 6.639 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 6.141 triệu đồng; ngân sách địa phương 498 triệu đồng;

+ Kết quả thực hiện: tăng cường việc tiếp cận với các can thiệp trực tiếp phòng, chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo; số trẻ dưới 5 tuổi được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng: 2.186 trẻ, số trẻ được theo dõi và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính tại cộng đồng: 708 trẻ, số bà mẹ có con dưới 5 tuổi và bà mẹ mang thai được tư vấn dinh dưỡng: 4.668 người; tăng cường hoạt động chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc cho trẻ học đường (trẻ từ trên 5 tuổi đến dưới 16 tuổi), số trẻ được tư vấn dinh dưỡng: 24.498 trẻ, số trẻ suy dinh dưỡng được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng: 7140 trẻ.

- Ước thực hiện năm 2025: 5.112 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 4.647 triệu đồng, ngân sách địa phương 465 triệu đồng.

- Ưu điểm: Tiểu dự án 2 (Dự án 3) đã góp phần quan trọng nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Khó khăn, vướng mắc: quy mô đối tượng tham gia dự án khá hạn chế, không tương xứng nguồn lực được bố trí.

- Nguyên nhân: tỉnh Hà Tĩnh không có huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

1.3. Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

- Tổng kinh phí phân bổ: 44.808 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 40.868 triệu đồng; ngân sách địa phương 3.940 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện giai đoạn 2021 - 2024:

+ Tổng kinh phí phân bổ: 30.967 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 28.286 triệu đồng; ngân sách địa phương 2.681 triệu đồng;

+ Tổng kinh phí giải ngân: 18.570 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 16.999 triệu đồng; ngân sách địa phương 1.571 triệu đồng;

+ Tổ chức 41 lớp học nghề cho gần 1.100 lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Các chính sách đào tạo nghề cho lao động được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp, các ngành từ Trung ương, tỉnh và sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các ngành, đoàn thể liên quan, công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã mang lại kết quả khả quan, nhất là việc chọn lựa ngành, nghề phù hợp với nhu cầu của người lao động. Sau học nghề, nhiều người lao động có việc làm, có thu nhập ổn định; góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo theo mục tiêu xây dựng nông thôn mới, tạo việc làm cho lao động nông thôn và từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ.

- Ước thực hiện năm 2025: 1.696 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 1.542 triệu đồng; ngân sách địa phương 154 triệu đồng.

- Ưu điểm: Tiểu dự án 1 (Dự án 4) góp phần quan trọng trong hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Khó khăn, vướng mắc: quy mô đối tượng hạn chế; các địa phương gặp rất nhiều khó khăn trong việc rà soát, mở các lớp đào tạo nghề.

- Nguyên nhân: tỉnh Hà Tĩnh không có huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; Trung ương chưa có quy định khái niệm “người lao động có thu nhập thấp” nên không thể rà soát, xác định đối tượng hỗ trợ; Hà Tĩnh có gần 70% hộ nghèo không có khả năng lao động, hơn 38% hộ cận nghèo không có khả năng lao động.

b) Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững

- Tổng vốn đầu tư Dự án Sàn giao dịch việc làm tại thành phố Hà Tĩnh 31.812 triệu đồng (trong đó ngân sách Trung ương 12.007 triệu đồng). Đến nay, dự án đã được bố trí tổng số 19.089 triệu đồng (vốn năm 2022: 1.041 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 1.041 triệu. Vốn năm 2023: 13.656 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 3.656 triệu đồng; ngân sách địa phương 10.000 triệu đồng. Vốn năm 2024: 4.392 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 4.392 triệu đồng). Vốn năm 2025 (đã thông báo) 2.918 triệu đồng. Dự án Sàn giao dịch việc làm tại thành phố Hà Tĩnh được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 2539/QĐ-UBND ngày 02/10/2023, hiện nay đang thẩm định kế hoạch đấu thầu để triển khai lựa chọn nhà thầu xây dựng.

- Tổng kinh phí phân bổ: 28.720 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 26.164 triệu đồng; ngân sách địa phương 2.556 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện giai đoạn 2021 - 2024

- + Tổng kinh phí thực hiện: 11.169 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 10.244 triệu đồng; ngân sách địa phương 925 triệu đồng;

- + Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Hà Tĩnh đã phối hợp các huyện, thành phố, thị xã, các đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức 02 hội chợ việc làm, 20 phiên giao dịch việc làm lưu động tại các địa phương, thu hút 3.534 lao động tham gia. Trong đó: (1) số người được tư vấn, giới thiệu việc làm tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh: 2.097 người; (2) số người được tư vấn tham gia các chương trình xuất khẩu lao động miễn phí tại Nhật Bản, Hàn Quốc: 976 người; (3) số người được tư vấn học nghề: 240 người.

- Ước thực hiện năm 2025: 4.134 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 3.758 triệu đồng; ngân sách địa phương 376 triệu đồng.

- Ưu điểm: Tiểu dự án 3 (Dự án 4) đã góp phần hỗ trợ người lao động tìm kiếm thị trường lao động; góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững, nhất là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Khó khăn, hạn chế: hoạt động đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng chưa tạo được quan tâm của người lao động.

- Nguyên nhân: quy trình, cách thức hỗ trợ không phù hợp; mức hỗ trợ thấp.

1.4. Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) *Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin*

- Tổng kinh phí phân bổ: 13.898 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 12.643 triệu đồng, ngân sách địa phương 1.255 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện giai đoạn 2021 - 2024:

+ Tổng kinh phí thực hiện: 7.014 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 6.425 triệu đồng; ngân sách địa phương 589 triệu đồng;

+ Cấp tỉnh: đã tổ chức 07 lớp đào tạo nâng cao năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ truyền thông cấp huyện, cấp xã, số lượng 270 học viên tham gia. Tổ chức hợp tác truyền thông với 07 cơ quan báo chí và đơn vị truyền thông để sản xuất mới 41 sản phẩm truyền thông cung cấp các nội dung thông tin, kinh nghiệm, kiến thức chăn nuôi, làm giàu... với các nội dung thiết yếu để Nhân dân và xã hội tham khảo, ứng dụng đưa vào thực tiễn. Triển khai biên soạn và xuất bản 1.000 ấn phẩm tuyên truyền cung cấp thông tin thiết yếu cho người dân, góp phần giảm nghèo thông tin; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh được cấp 1.494 triệu đồng để thực hiện nhiệm vụ đặc thù theo chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa chữa, nâng cấp Cụm Thông tin đối ngoại tại Cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo;

+ Cấp huyện: đã tổ chức 22 lớp tập huấn cho 3.923 cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cơ sở. Thông qua tập huấn nhằm nâng cao công tác quản lý nhà nước về thông tin, truyền thông; bồi dưỡng kiến thức về biên tập nội dung thông tin, tuyên truyền; kỹ năng khai thác và xử lý thông tin; kỹ năng sử dụng trang thiết bị kỹ thuật (máy ảnh và các thiết bị điện tử số) phục vụ cho công tác thông tin, tuyên truyền; sản xuất 22 video, phóng sự truyền hình, 154 chương trình phát thanh, 11 sản phẩm báo in, 39 sản phẩm báo điện tử và một số sản phẩm truyền thông khác.

- Ước thực hiện năm 2025: 3.210 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 2.918 triệu đồng, nguồn địa phương 292 triệu đồng.

- Ưu điểm: Tiểu dự án 1 (Dự án 6) đã hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được tiếp cận và sử dụng dịch vụ viễn thông, tiếp cận thông tin, giảm nghèo về thông tin; nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở; tăng cường thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu cho xã hội; tăng cường tiếp cận thông tin thiết yếu cho cộng đồng dân cư.

- Khó khăn, hạn chế: phạm vi đối tượng hỗ trợ chưa phù hợp đối với các xã vùng biên giới, các xã bãi ngang vùng ven biển (đối tượng ở các xã vùng biên giới, các xã vùng bãi ngang ven biển không được hưởng cơ chế đặc thù như các xã đặc biệt khó khăn).

- Nguyên nhân: mặc dù đã về đích nông thôn mới, được công nhận thoát xã đặc biệt khó khăn nhưng các xã vùng biên giới, các xã vùng bãi ngang ven biển đang còn rất nhiều khó khăn so với các địa bàn khác trong toàn tỉnh.

b) *Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều*

- Tổng kinh phí phân bổ: 8.202 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 7.472 triệu đồng. Ngân sách địa phương 730 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện giai đoạn 2021 - 2024

+ Tổng kinh phí thực hiện: 4.570 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 4.369 triệu đồng; ngân sách địa phương 381 triệu đồng;

+ Công tác truyền thông về giảm nghèo được triển khai đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững như thông qua các tin, bài, phóng sự trên Tạp chí Lao động và Xã hội; Báo Hà Tĩnh; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Hà Tĩnh, Trung tâm Văn hóa truyền thông các huyện, thành phố, thị xã; tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Hà Tĩnh chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng;

+ Tổ chức xây dựng và thực hiện các sản phẩm truyền thông về giảm nghèo (phóng sự, tọa đàm, đối thoại, pa nô, áp phích, tờ rơi, hình thức khác...) định hướng cho người dân tiếp cận, thụ hưởng Chương trình, dịch vụ xã hội cơ bản về dạy nghề, việc làm, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới. Mỗi năm tổ chức từ 15 - 20 hội nghị đối thoại về chính sách giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở. Hàng năm có hàng chục tin bài, phóng sự tuyên truyền về công tác giảm nghèo trên báo Hà Tĩnh, Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Tĩnh, in ấn cấp phát hơn 10.000 tờ rơi, tờ gấp.

- Ước thực hiện năm 2025: 2.837 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 2.579 triệu đồng, ngân sách địa phương 258 triệu đồng.

- Ưu điểm: Tiểu dự án 2 (Dự án 6) đã góp phần tích cực tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

- Khó khăn, hạn chế: không.

1.5. Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- Tổng kinh phí phân bổ: 22.999 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 20.947 triệu đồng; ngân sách địa phương 2.052 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện giai đoạn 2021 - 2024:

+ Tổng kinh phí giải ngân: 12.393 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 11.422 triệu đồng; ngân sách địa phương 971 triệu đồng;

+ Hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan Thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững) đã chủ trì tổ chức 13 - 15 hội nghị tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác giảm nghèo các cấp với gần 3.000 người tham gia. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đã tổ chức 115 hội nghị, tập huấn nâng cao năng lực, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ về công tác giảm nghèo cho 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp.

- Ước thực hiện năm 2025: 5.473 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 4.975 triệu đồng, ngân sách địa phương 498 triệu đồng.

- Ưu điểm: nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

- Khó khăn, hạn chế: không.

b) Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá

- Tổng kinh phí phân bổ: 12.193 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 11.109 triệu đồng; ngân sách địa phương 1.084 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện giai đoạn 2021 - 2024:

- + Tổng kinh phí thực hiện: 5.553 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 5068 triệu đồng; ngân sách địa phương bố trí 485 triệu đồng;

- + Tổ chức các hoạt động giám sát thường xuyên và định kỳ cập nhật các thông tin liên quan đến tình hình thực hiện Chương trình giảm nghèo; tổ chức các hoạt động kiểm tra định kỳ theo kế hoạch hoặc đột xuất, nhằm kiểm tra việc chấp hành quy định của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan. Theo đó cấp tỉnh tổ chức 01 - 02 đợt kiểm tra, giá sát/năm; cấp huyện tổ chức 01 đợt/năm; tổ chức các hoạt động đánh giá định kỳ (bao gồm: đánh giá đầu kỳ, đánh giá giữa kỳ, và đánh giá cuối kỳ). Thực hiện chế độ thu thập thông tin, báo cáo kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

- Ước thực hiện năm 2025: 2.369 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 2.153 triệu đồng, ngân sách địa phương 216 triệu đồng.

- Ưu điểm: tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

- Khó khăn: việc giám sát, đánh giá của các cấp đã được triển khai tuy nhiên chưa được thường xuyên, sâu rộng.

- Nguyên nhân: cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cấp tỉnh, cấp huyện còn ít về số lượng, thường xuyên thay đổi do đó còn hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ.

(Phụ lục chi tiết gửi kèm)

2. Kết quả, nổi bật, điểm sáng trong thực hiện các tiểu dự án, dự án thuộc Chương trình

a) Trong việc ban hành chủ trương đột phá, chính sách giảm nghèo đặc thù của địa phương

- Tỉnh Hà Tĩnh là một trong nhóm các tỉnh ban hành chính sách riêng về hỗ trợ thu nhập, xã hội hóa hỗ trợ thu nhập đối với cho người có công, người cao tuổi thuộc hộ nghèo, thành viên hộ nghèo thuộc chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người cao tuổi thuộc hộ nghèo, đơn thân, không có người có quyền và nghĩa vụ phụng dưỡng, cụ thể: Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Nghị quyết số 72/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022, theo đó đã bổ sung thêm 08 nhóm chính sách: (1) hỗ trợ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện; (2) hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người cao tuổi, người thuộc hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình làm nông, lâm, ngư và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; (3)

hỗ trợ thu nhập cho thành viên hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng, thành viên hộ nghèo là người cao tuổi, thành viên hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội; (4) trợ giúp xã hội tại cộng đồng và các cơ sở trợ giúp xã hội; (5) tặng quà cho người có công và thân nhân người có công với cách mạng nhân kỷ niệm ngày Thương binh, Liệt sĩ; tết cổ truyền của dân tộc (đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, cựu chiến binh tham gia kháng chiến chống Pháp...); (6) tặng quà, chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi; (7) chính sách đối tượng người khuyết tật thân kinh, tâm thần mức độ đặc biệt nặng thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo có nguyện vọng được tiếp nhận, chăm sóc nuôi dưỡng tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội; (8) chính sách hỗ trợ người cai nghiện ma túy; người được giao nhiệm vụ hỗ trợ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và trợ cấp đặc thù đối với viên chức, người lao động việc làm tại cơ sở cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh³.

- Tổ chức thực hiện kịp thời hiệu quả chính sách hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng Covid-19: tỉnh Hà Tĩnh là một trong 17 tỉnh nhóm đầu toàn quốc thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ cho người lao động, người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 theo chỉ đạo của Chính phủ, được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ghi nhận, biểu dương⁴.

- Tỉnh Hà Tĩnh đã tập trung triển khai đồng bộ, có hiệu quả các cơ chế, chính sách về giảm nghèo gắn với phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm, hỗ trợ sinh kế cho người dân. Đến nay, Hà Tĩnh không còn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, xã đặc biệt khó khăn miền núi, thôn đặc biệt khó khăn. Cuối năm 2024, toàn tỉnh có 9.236 hộ nghèo (19.109 khẩu), tỷ lệ 2,40% (giảm 0,61% so với cuối năm 2023); 11.736 hộ (34.921 khẩu), tỷ lệ 3,04% (giảm 0,33% so với cuối năm 2023). Kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo đạt mục tiêu do cấp có thẩm quyền giao.

- Trong những năm qua, tỉnh Hà Tĩnh đã đẩy mạnh việc huy động nguồn lực xã hội hóa trong việc hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa cộng đồng kết hợp tránh bão, lũ và xây dựng nhà ở kiên cố cho Nhân dân. Giai đoạn 2020 - 2024, đã hỗ trợ xây dựng 8.389 nhà ở với tổng kinh phí 566.338 triệu đồng⁵.

³ Đối tượng là viên chức, người lao động làm việc tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội được hưởng trợ cấp đặc thù mức 2.160.000 đồng/người/tháng. Riêng đối với chức danh Bác sĩ được giao làm chuyên môn về cai nghiện ma túy tại Trung tâm được hưởng trợ cấp đặc thù mức 3.600.000 đồng/người/tháng; viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập bao gồm: Trung tâm Điều dưỡng Người có công và Bảo trợ xã hội, Làng Trẻ em mồ côi, Trung tâm Công tác xã hội - Giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật được hưởng trợ cấp đặc thù mức 1.800.000 đồng/người/tháng. Bác sĩ làm việc tại Trung tâm Điều dưỡng Người có công và Bảo trợ xã hội Hà Tĩnh được hưởng trợ cấp đặc thù mức 3.600.000 đồng/người/tháng; chi thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã bằng 0,6 mức lương cơ sở hiện hành; nhân sự do cơ quan công an, y tế được điều động, cử đến làm việc, hỗ trợ tại cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc từ 06 tháng trở lên được hưởng các chế độ theo quy định.

⁴ 173.376 người thuộc đối tượng người có công, hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng BTXH và người lao động bị mất việc làm hưởng chính sách, kinh phí thực hiện: 198.971,5 triệu đồng; đối với chính sách hỗ trợ người dân và doanh nghiệp gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ: 77.227 người hưởng chính sách, kinh phí thực hiện: 60.973 triệu đồng; đối với chính sách hỗ trợ thuê nhà ở theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: 1.314 người được hưởng chính sách, kinh phí thực hiện: 1.995 triệu đồng. Phối hợp với Hội đồng hương Hà Tĩnh tại thành phố Hồ Chí Minh thực hiện giải cứu 3.839 người lao động yếu thế làm việc từ vùng dịch thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam trở về địa phương cư trú.

⁵ Hà Tĩnh đã hỗ trợ xây dựng 105 nhà văn hóa cộng đồng kết hợp tránh bão, lũ với tổng kinh phí hơn 161 tỷ đồng từ nguồn xã hội hóa. Trong đó, riêng BCD 22 tỉnh hỗ trợ xây dựng 42 nhà văn hóa, số tiền gần 84 tỷ đồng.

- Những kết quả nêu trên khẳng định chế độ việc chăm lo cuộc sống cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thể chế hóa bằng nghị quyết đã thực sự đi vào cuộc sống, được sự đồng tình, ủng hộ của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân. Các chính sách triển khai có tác động sâu rộng, toàn diện đến các lĩnh vực đời sống an sinh xã hội của người dân, góp phần thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, vùng miền, đảm bảo mọi đối tượng yếu thế đều được tiếp cận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Qua đó, khẳng định Hà Tĩnh luôn đảm bảo mối quan hệ giữa tăng trưởng phát triển kinh tế với an sinh xã hội, coi đó là các nhiệm vụ trong một mục tiêu chung được thực hiện nhất quán, có hiệu quả.

b) Đánh giá mô hình, phương thức, cách thức cách làm hay trong quá trình triển khai từng dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình: các dự án, tiểu dự án thuộc chương trình được triển khai cơ bản đảm bảo quy định. Các mô hình giảm nghèo, hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp cơ bản có hiệu quả. Đa số người dân có tâm lý phấn khởi, thu nhập cho hộ nghèo, cận nghèo dần được nâng lên, đời sống dần được cải thiện. Qua đó khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội

a) Hỗ trợ về giáo dục và đào tạo: có 100% học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, cận nghèo được miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định. Giai đoạn 2021 - 2024 đã thực hiện chính sách hỗ trợ cho học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo các chính sách: Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 42/2013/TT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cùng các văn bản pháp luật có liên quan cho 25.000 lượt học sinh, với số tiền 11.378.600 nghìn đồng (năm 2021 hỗ trợ 6.417 lượt học sinh, số tiền 2.452.440 nghìn đồng; năm 2022 hỗ trợ 8.414 lượt học sinh, số tiền 3.198.390 nghìn đồng; năm 2023 hỗ trợ 5.569 lượt học sinh, số tiền 3.503.100 nghìn đồng; năm 2024 hỗ trợ 4.600 lượt học sinh, số tiền 2.224.670 nghìn đồng).

b) Hỗ trợ về y tế, khám chữa bệnh

- Mạng lưới y tế từ cấp tỉnh đến thôn, xóm, tổ dân phố được củng cố và tăng cường, từng bước đảm bảo; công tác khám chữa bệnh cho Nhân dân ngày càng được nâng lên rõ rệt, đặc biệt cho người nghèo, hộ nghèo. Hàng năm 100% người nghèo, cận nghèo có nhu cầu được khám chữa bệnh và cấp phát thuốc miễn phí.

- Công tác cấp thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, cận nghèo và hộ có mức sống trung bình được chính quyền địa phương chủ động lập phương án dự trù kinh phí, được triển khai thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng kịp thời, đúng đối tượng, đảm bảo an sinh xã hội. Giai đoạn 2021 - 2024 đã cấp 518.932 thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, cận nghèo và hộ nông nghiệp có mức sống trung bình, với số tiền hơn 958.557,6 triệu đồng⁶ (trong đó, hộ nghèo: 13.928 thẻ, với số tiền: 60.656,5 triệu đồng; hộ cận nghèo 28.596 thẻ, với số tiền: 113.064,2 triệu đồng; hộ có mức sống trung bình 476.408 thẻ, với số tiền 784.836,9 triệu đồng).

⁶ Bao gồm nguồn ngân sách Trung ương : 610.703,7 triệu đồng; ngân sách địa phương: 347.854 triệu đồng, số kinh phí người dân đóng góp (50% mua thẻ hộ thu nhập trung bình): 584.967 triệu đồng.

c) Chính sách hỗ trợ nhà ở

- Thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa cộng đồng kết hợp tránh bão, lũ, nhà ở kiên cố cho người có công, hộ nghèo, hộ bị ảnh hưởng do thiên tai trên địa bàn tỉnh: giai đoạn 2020 đến nay, hỗ trợ xây dựng 8.389 nhà ở với tổng kinh phí 566.338 triệu đồng. Trong đó, Chương trình hỗ trợ xây dựng nhà ở kiên cố cho người có công, hộ nghèo, hộ bị ảnh hưởng do thiên tai nhà ở (theo Quyết định số 22-QĐ/TU ngày 20/11/2020 của Tỉnh ủy Hà Tĩnh): phê duyệt hỗ trợ xây mới 2.475 nhà (bao gồm 909 nhà ở người có công, 947 nhà ở hộ nghèo, 619 nhà ở hộ bị thiệt hại do thiên tai), kinh phí hỗ trợ 172.025 triệu đồng (mức hỗ trợ 70 triệu đồng/nhà); Chương trình hỗ trợ nhà ở (theo Quyết định 630-QĐ/TU ngày 21/6/2023 của Tỉnh ủy do nguồn Bộ Công an huy động hỗ trợ): đã hỗ trợ 1.000 nhà ở với tổng số tiền hỗ trợ 87 tỷ đồng; các chương trình hỗ trợ do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh và cấp huyện huy động hỗ trợ xây dựng 4.914 nhà ở với tổng kinh phí 307.313 triệu đồng.

- Công tác triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát

+ Kết quả rà soát đối tượng tính đến tháng 02/2025: toàn tỉnh có 2.343 nhà tạm, nhà dột nát có nhu cầu xây mới và sửa chữa, cụ thể: (1) hộ nghèo, hộ cận nghèo 1.374 nhà, trong đó xây mới: 1.064 nhà (492 hộ nghèo, 572 hộ cận nghèo), sửa chữa: 310 nhà (157 hộ nghèo, 153 hộ cận nghèo); (2) người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ: 969 nhà, trong đó: 459 nhà xây mới, 510 nhà sửa chữa;

+ Kết quả huy động nguồn lực: tính đến thời điểm báo cáo, toàn tỉnh Hà Tĩnh đã kêu gọi, huy động, tiếp nhận 37,6 tỷ, trong đó: (1) Tập đoàn Viettel (Bộ Quốc phòng) hỗ trợ 25 tỷ; (2) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) hỗ trợ 6 tỷ đồng; (3) Công ty trách nhiệm hữu hạn Visip Hải Phòng: 500 triệu đồng; (4) Công ty Meryauto: 100 triệu đồng. (5) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) - Chi nhánh Hà Tĩnh: 6 tỷ đồng;

+ Kết quả hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát: Ban Chỉ đạo 1056 tỉnh đã chỉ đạo, tổ chức khởi công xây dựng 26 nhà tại các địa phương, phần đầu hoàn thành chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát trước 19/5/2025.

d) Chính sách trợ giúp pháp lý

- Từ năm 2021 đến 2025 (số liệu tính đến tháng 02/2025) đã tổ chức thực hiện 605 cuộc truyền thông về trợ giúp pháp lý tại các thôn, xóm, xã, phường, thị trấn của 12 huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tư vấn, hướng dẫn tại trụ sở và cơ sở 1.382 vụ việc, trong đó có 55 vụ việc cho người nghèo thuộc diện được trợ giúp pháp lý.

- Xây dựng, biên tập, in ấn, cấp phát miễn phí hơn 250.000 tài liệu, tờ gấp về các lĩnh vực pháp luật như: trợ giúp pháp lý, đất đai, dân sự, hôn nhân và gia đình, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, phòng chống tác hại của rượu bia và các văn bản về chính sách người có công với cách mạng, chính sách bảo trợ xã hội cho người dân, người có công với cách mạng, chính sách của Nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ..., cấp phát hàng trăm đĩa CD Chương trình phát thanh chuyên mục “*Trợ giúp pháp lý với người dân*” để phát tại đài phát thanh các thôn, xóm, xã, phường, thị trấn.

- Với việc đẩy mạnh hoạt động tư vấn pháp luật tại trụ sở, cơ sở và đa dạng hóa cách thức thực hiện hoạt động truyền thông đã giúp cho người nghèo, đặc biệt là người

nghèo sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn dễ dàng nắm bắt được các thông tin pháp luật, giải quyết những vướng mắc pháp luật, bảo vệ tối đa quyền và lợi ích chính đáng của mình, giảm bớt khiếu kiện, khiếu nại, góp phần đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

đ) Chính sách hỗ trợ tiền điện

- Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo được thực hiện kịp thời, đầy đủ, đảm bảo đúng các quy định của nhà nước. Giai đoạn 2021 - 2024 đã hỗ trợ tiền điện cho 57.539 lượt hộ nghèo với tổng kinh phí hơn 38,47 tỷ đồng⁷.

e) Chính sách tín dụng ưu đãi

- Ngân hàng chính sách xã hội, Chi nhánh Hà Tĩnh đã thực hiện cho vay vốn ưu đãi hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, vay nhà ở hộ nghèo, vay giải quyết việc làm, vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, tạo điều kiện để người nghèo, cận nghèo tiếp cận các nguồn vốn phát triển sản xuất xóa đói giảm nghèo. Giai đoạn 2021 - 2024 đã cho 145.922 lượt hộ nghèo, cận nghèo và đối tượng chính sách xã hội được vay vốn với tổng doanh số cho vay đạt 6.832,6 tỷ đồng. Dự kiến năm 2025 cho vay 70.159 lượt hộ nghèo, cận nghèo và đối tượng chính sách xã hội vay vốn với tổng số cho vay đạt 3.599,8 tỷ đồng.

- Cho vay ưu đãi hộ nghèo: doanh số cho vay đạt 52,2 tỷ đồng, với 809 lượt khách hàng vay vốn; cho vay hộ cận nghèo: doanh số cho vay đạt 172,7 tỷ đồng, với 2.983 lượt khách hàng vay vốn; cho vay hộ mới thoát nghèo: doanh số cho vay đạt 1.028,3 tỷ đồng, với 15.278 lượt khách hàng vay vốn; cho vay học sinh, sinh viên: doanh số cho vay đạt 183,8 tỷ đồng, với 2.751 lượt khách hàng vay vốn.

- Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: doanh số cho vay đạt 1.058,8 tỷ đồng, với 30.810 lượt khách hàng vay vốn; cho vay giải quyết việc làm: doanh số cho vay đạt 663,8 tỷ đồng, với 11.608 lượt khách hàng vay vốn; cho vay đối tượng chính sách đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài: doanh số cho vay đạt 930 triệu đồng, với 10 lượt khách hàng vay vốn.

- Cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn: doanh số cho vay đạt 86,4 tỷ đồng, với 1.245 lượt khách hàng vay vốn; cho vay khác theo Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh: doanh số cho vay đạt 352,9 tỷ đồng, với 4.665 lượt khách hàng vay vốn.

f) Chính sách hỗ trợ khác

- Nhân dịp Tết Nguyên đán hàng năm tỉnh Hà Tĩnh đã chỉ đạo các địa phương tổ chức rà soát và thăm hỏi, tặng quà cho người có công, người cao tuổi, hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em mồ côi có hoàn cảnh khó khăn, người lao động. Giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Hà Tĩnh đã trao tặng 1.223.341 suất quà với tổng kinh phí: 463.090.422 nghìn đồng, trong đó: ngân sách: 212.241.144 nghìn đồng, xã hội hóa: 250.849.268 nghìn đồng.

⁷ Năm 2021 có 13.412 hộ nghèo thuộc diện hỗ trợ tiền điện với tổng kinh phí hơn 8,85 tỷ đồng; năm 2022 thực hiện hỗ trợ tiền điện cho 17.848 hộ nghèo với tổng kinh phí hơn 11,7 tỷ đồng; năm 2023 có 414.527 hộ nghèo được hỗ trợ tiền điện với tổng kinh phí hơn 9,9 tỷ đồng; năm 2024: hỗ trợ tiền điện cho 11.572 hộ nghèo với tổng kinh phí hơn 8,02 tỷ đồng.

- Hỗ trợ thu nhập cho thành viên hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội, hộ nghèo thuộc chính sách ưu đãi người có công với cách mạng theo Nghị quyết số 151/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh (năm 2021 và 7 tháng năm 2022), theo Nghị quyết số 72/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh (giai đoạn từ tháng 8/2022 - 2024): hơn 8.600 lượt người với tổng kinh phí trên 48 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2021 đến nay, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Hà Tĩnh và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã tích cực huy động nguồn lực hỗ trợ 7.055 mô hình sinh kế giảm nghèo với tổng kinh phí 16,053 tỷ đồng cho 3.560 hộ nghèo, 2.120 hộ cận nghèo, 1.375 hộ có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn toàn tỉnh (hỗ trợ 3.553 mô hình chăn nuôi, 3.464 mô hình trồng cây ăn quả, 08 mô hình thương mại dịch vụ và 30 mô hình hỗ trợ nông, ngư cụ sản xuất). Với việc thực hiện hỗ trợ mô hình sinh kế giảm nghèo trong 4 năm qua đã giúp 1.368 hộ thoát nghèo, đồng thời đã giúp người dân có việc làm ổn định, tăng thêm nguồn thu nhập; phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của người dân, tạo động lực cho các hộ nghèo vươn lên có cuộc sống ổn định, góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội và giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

III. ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH

1. Đánh giá việc thiết kế Chương trình

a) Về mục tiêu: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2021 - 2025 đề ra mục tiêu phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội, góp phần to lớn trong đảm bảo an sinh xã hội gắn với quốc phòng, an ninh.

b) Về số lượng dự án, tiểu dự án: có 7 dự án và 9 tiểu dự án theo quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 cơ bản phù hợp. Tuy nhiên, có một số tiểu dự án chưa phù hợp như Tiểu dự án 2 (thuộc Dự án 3): Cải thiện dinh dưỡng, Tiểu dự án 1 (thuộc Dự án 4): Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn; Tiểu dự án 2 (thuộc Dự án 4): Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Lý do: hiện nay hộ nghèo không có khả năng lao động chiếm gần 70%, hộ cận nghèo không có khả năng lao động chiếm hơn 37% do đó đối tượng tham gia các tiểu dự án nêu trên rất ít.

c) Về nội dung hỗ trợ

- Cơ bản phù hợp với đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Tuy nhiên, nội dung hỗ trợ đào tạo nghề cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp chưa thực sự phù hợp vì đối tượng nghèo, cận nghèo trong độ tuổi có nhu cầu hỗ trợ đào tạo nghề ít; người lao động thu nhập thấp chưa có quy định để xác định đối tượng.

- Nội dung hỗ trợ có sự trùng lặp, chồng chéo giữa một số dự án, tiểu dự án như Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế phát triển mô hình giảm nghèo và Tiểu dự án 1 (thuộc Dự án 3): Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp.

d) Về đối tượng: đối tượng thụ hưởng của Chương trình cơ bản phù hợp, tuy nhiên cần nghiên cứu, bổ sung nhóm đối tượng người thuộc hộ gia đình làm nông, lâm, ngư và diêm nghiệp có mức sống trung bình; người dân sinh sống tại các vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

đ) Về công tác chỉ đạo, điều hành: công tác chỉ đạo, điều hành cơ bản phù hợp. Tuy nhiên, cần ban hành các văn bản sớm hơn để triển khai đảm bảo lộ trình đề ra. Ví dụ: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 nhưng đến ngày 19/01/2022 Thủ tướng Chính phủ mới ban hành Quyết định số 90/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình (chậm 01 năm).

e) Về cơ chế tổ chức thực hiện: giai đoạn 2021 - 2025 đã có nhiều chuyển biến tích cực trong cơ chế tổ chức thực hiện, trong đó tăng cường phân cấp cho địa phương trong điều hành, quản lý, tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, hệ thống văn bản cần thống nhất ngay từ đầu giai đoạn, hạn chế việc sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Đánh giá công tác quản lý Chương trình

a) Kết quả xây dựng hệ thống chính sách quản lý, tổ chức thực hiện: tỉnh Hà Tĩnh đã kịp thời thể chế hóa các quy định của Trung ương; ban hành các chính sách đặc thù của địa phương nhằm hỗ trợ thoát nghèo bền vững. Tuy nhiên, cần nghiên cứu hạn chế các chính sách cho không, tạo tâm lý trông chờ, ỷ lại của một số bộ phận người nghèo.

b) Công tác điều hành, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện: Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và xây dựng đô thị văn minh tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025 đã quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; các cơ quan là chủ trì các dự án, tiểu dự án, các địa phương đã phối hợp nhuần nhuyễn trong khâu quản lý Chương trình, tổ chức thực hiện đảm bảo các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

c) Hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, giám sát, đánh giá Chương trình

- Xác định công tác truyền thông là nội dung đặc biệt quan trọng, trong giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Hà Tĩnh đã tập trung triển khai tốt công tác thông tin, tuyên truyền về các chủ trương, chính sách giảm nghèo đảm bảo mọi người dân có thể tiếp cận, khai thác thông tin. Công tác truyền thông được triển khai phong phú về nội dung, đa dạng về hình thức như thông qua các tin, bài, phóng sự, báo viết, báo điện tử, thông qua tập huấn, đối thoại, nói chuyện chuyên đề.

- Công tác giám sát, đánh giá Chương trình hàng năm trên địa bàn tỉnh được quan tâm, theo chức năng, nhiệm vụ các sở, ban, ngành là cơ quan chủ trì các dự án, tiểu dự án đã tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các địa phương, đơn vị. Qua đó, các địa phương, đơn vị đã kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế, vượt qua mọi khó khăn, thách thức để tiếp tục phát huy những kết quả đạt được.

d) Công tác chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử: Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức đoàn thể đã quan tâm, thường xuyên giám sát, phản biện việc thực hiện các cơ chế, chính sách giảm nghèo. Đặc biệt là công tác rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm.

3. Đánh giá kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn

a) Đánh giá công tác phân bổ, giao kế hoạch và sử dụng vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương (vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm: công tác phân bổ, giao kế hoạch và sử dụng vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương hàng năm và cả giai đoạn cơ bản đảm bảo. Tuy nhiên, đối với nguồn kinh phí sự nghiệp cần nghiên cứu giao từ đầu giai đoạn để các địa phương chủ động triển khai thực hiện.

b) Đánh giá việc lồng ghép vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia dân tộc thiểu số và Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới để thực hiện các tiểu dự án, dự toán thuộc Chương trình: việc lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

c) Đánh giá việc huy động nguồn lực thực hiện Chương trình (nguồn vốn tín dụng, vốn doanh nghiệp, huy động từ người dân và cộng đồng): Giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Hà Tĩnh đã phát huy được tính chủ động trong huy động nguồn lực từ vốn tín dụng, nguồn huy động từ người dân và cộng đồng. Đặc biệt, Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo) và Tiêu dự án 1 (thuộc Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp đã huy động được nguồn lực lớn từ người dân.

d) Đánh giá những thuận lợi khó khăn trong quá trình phân bổ, giao kế hoạch vốn

- Thuận lợi: Pháp luật về đầu tư công đã tiếp tục được hoàn thiện theo hướng phân cấp, phân quyền, quản lý thống nhất. Bên cạnh đó, Luật Đầu tư công đã phân cấp cho các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương về thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của địa phương, phân cấp trong quản lý, sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước; Chính phủ đã chỉ đạo, điều hành triển khai kế hoạch đầu tư công, đưa ra các giải pháp có hiệu quả trong triển khai sử dụng vốn.

- Khó khăn: việc giao kế hoạch đầu tư công chậm cũng gây khó khăn cho địa phương hoàn thiện thủ tục đầu tư. Vì việc triển khai thủ tục đầu tư các dự án cần phải có thời gian để thực hiện theo quy trình thủ tục chặt chẽ, qua nhiều bước mới có thể triển khai và giải ngân kế hoạch vốn.

4. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của Chương trình so với mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

a) Kết quả thực hiện mục tiêu cụ thể

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều: đến cuối năm 2024, toàn tỉnh Hà Tĩnh có 9.236 hộ nghèo (19.109 khẩu), tỷ lệ 2,40% (giảm 2,28% so với đầu kỳ, giảm bình quân 0,76%/năm); 11.736 hộ cận nghèo (34.921 khẩu), tỷ lệ 3,04% (giảm 2,05% so với đầu kỳ, giảm bình quân 0,68%/năm). Kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm đạt mục tiêu do cấp có thẩm quyền giao.

- Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số: tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số chiếm 0,01% (46 hộ) so với tổng số hộ dân cư toàn tỉnh, chiếm 6,28% so với tổng số hộ dân đồng bào dân tộc thiểu số; tỷ lệ hộ cận nghèo dân tộc thiểu số chiếm gần 0,01% (45 hộ) so với tổng số hộ dân cư toàn tỉnh, chiếm 6,14% so với tổng số hộ dân đồng bào dân tộc thiểu số.

b) Kết quả thực hiện chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình

- Số hộ nghèo và hộ cận nghèo toàn tỉnh Hà Tĩnh giảm so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều của quốc gia: số hộ nghèo giảm so với đầu kỳ: 8.612 hộ; số hộ cận nghèo giảm so với đầu kỳ: 7.684 hộ.

- Số mô hình, dự án giảm nghèo, số hộ tham gia các mô hình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo: toàn tỉnh Hà Tĩnh đã xây dựng, triển khai thực hiện các mô hình, dự án, trong đó có 534 mô hình, 323 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông

nghiệp. Kết quả cho thấy các mô hình đa dạng hóa sinh kế, các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đã phát huy hiệu quả, góp phần tạo việc làm cho người dân, tăng thu nhập cho hộ gia đình, giúp hơn 8.600 hộ thoát nghèo bền vững.

- Số lượng, tỷ lệ cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo: trong giai đoạn 2021 - 2025, có 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp trên địa bàn Hà Tĩnh được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực. Bình quân hàng năm, cấp tỉnh tổ chức 15 - 20 lớp tập huấn, cấp huyện, cấp xã tổ chức 70 - 80 lớp tập huấn.

c) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các chiều dịch vụ xã hội cơ bản

- Chiều thiếu hụt về việc làm

+ Kế hoạch đến năm 2025: có 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm;

+ Kết quả: đến nay, có 2.890 lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm. Trong đó 2.745 người (95%) được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

- Chiều thiếu hụt về y tế

+ Kế hoạch đến năm 2025: có 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế và khám, chữa bệnh theo đúng quy định;

+ Kết quả: hàng năm có 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế và khám, chữa bệnh theo đúng quy định.

- Chiều thiếu hụt về giáo dục và đào tạo

+ Kế hoạch đến năm 2025: tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 100%. Kết quả: tính đến hết năm 2024, có 4.989 trẻ em thuộc hộ nghèo; 10.217 trẻ em thuộc hộ cận nghèo; 100% số trẻ em thuộc hộ nghèo và cận nghèo đều đi học đúng độ tuổi;

+ Kế hoạch đến năm 2025: Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo qua đào tạo đạt 50%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 30%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp. Kết quả: Theo kết quả điều tra, rà soát, cập nhật thông tin thị trường lao động năm 2024 toàn tỉnh có 50% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo qua đào tạo, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 25%; số người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp chiếm tỷ lệ 90%.

- Chiều thiếu hụt về nhà ở

+ Kế hoạch đến năm 2025: tối thiểu 95% hộ nghèo có nhà ở đảm bảo an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững;

- + Kết quả: có 97% hộ nghèo có nhà ở kiên cố, đảm bảo an toàn.
- Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh
- + Kế hoạch đến năm 2025: có 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 80% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh;
- + Kết quả: có 96% người thuộc hộ nghèo, cận nghèo được sử dụng nước hợp vệ sinh; 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhà tiêu hợp vệ sinh.
- Chiều thiếu hụt về thông tin
- + Kế hoạch đến năm 2025: có 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 95% các hộ gia đình sinh sống tại vùng biên giới, vùng bãi ngang, ven biển được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua sản phẩm truyền thông.
- + Kết quả: 95% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận dịch vụ viễn thông; 95% hộ gia đình sinh sống tại vùng biên giới, vùng bãi ngang ven biển được tiếp cận thông tin thông qua các sản phẩm truyền thông.

5. Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

a) Tốc độ tăng trưởng, giá trị gia tăng: tăng trưởng kinh tế bình quân của tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025 đạt khoảng 6%. Quy mô nền kinh tế (GRDP) tăng gấp 1,5 lần⁸, GRDP bình quân đầu người tăng từ 63,6 triệu đồng lên 91 triệu đồng; thu nhập bình quân đầu người tăng từ 38,8 triệu đồng lên 53 triệu đồng.

b) Chuyển dịch cơ cấu sản xuất, tỷ trọng lao động trong các ngành: cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng nông nghiệp còn 13,4%, công nghiệp - xây dựng 41,9%, dịch vụ 44,7%⁹. Tập trung khắc phục nhanh hậu quả trận lũ lịch sử năm 2020. Triển khai quyết liệt các giải pháp phòng, chống, thích ứng an toàn đại dịch COVID-19 và Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

c) Tỷ lệ lao động qua đào tạo, lao động có việc làm: tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt 85%.

6. Đánh giá mức độ tham gia của các đối tượng hưởng lợi

- Sự tham gia của đối tượng: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia hợp tác tại thôn, tổ dân phố, lấy ý kiến về nội dung dự án, khi tham gia dự án đối tượng phải có cam kết thực hiện các nội dung có liên quan, đối ứng một phần kinh phí thực hiện, lựa chọn con giống, cây giống, vật tư cơ bản phù hợp với điều kiện sản xuất của đối tượng tham gia dự án. Các đối tượng tham gia hưởng ứng tích cực, hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau thực hiện dự án.

- Mức độ hưởng lợi của đối tượng: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo khi tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo được tiếp cận nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước, được tập huấn, chuyển giao kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, được hỗ trợ cây giống, con giống, vật tư liên quan và nhiều hộ đã thoát nghèo bền vững.

⁸ Quy mô kinh tế (GRDP) năm 2020 đạt 81.000 tỷ đồng, năm 2025 ước đạt 121.000 tỷ đồng (tăng 40.000 tỷ đồng).

⁹ Cơ cấu kinh tế năm đầu kỳ 2020: nông nghiệp 15,9%, công nghiệp - xây dựng 41,9%, dịch vụ 42,2%.

- Các dự án, mô hình triển khai đã thực hiện đúng đối tượng. Tuy nhiên, do số lượng các đối tượng thụ hưởng nhiều, trong khi nguồn lực triển khai thực hiện thấp (kinh phí hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế) nên chưa đáp ứng được nhu cầu, việc chọn lựa, bình xét đối tượng thụ hưởng cũng đang gặp nhiều khó khăn.

7. Đánh giá tác động và hiệu quả đầu tư của Chương trình đối với phát triển kinh tế - xã hội; tính bền vững của chương trình; bình đẳng giới; môi trường, sinh thái: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững triển khai trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đã có tác động sâu rộng, toàn diện đến đời sống của người nghèo nói riêng và đời sống kinh tế xã hội nói chung; là động lực phát triển kinh tế - xã hội, góp phần ổn định an ninh quốc phòng. Các mục tiêu, chỉ tiêu về giảm nghèo hàng năm đạt kế hoạch đề ra; đời sống của người nghèo dần ổn định, từng bước vươn lên thoát nghèo; đời sống của người dân ngày càng được nâng cao. Các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình trong quá trình triển khai đã đảm bảo được sự cân bằng về giới.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 108/2023/QH15 VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 111/2024/QH15

1. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 108/2023/QH15: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 20/6/2023 về việc phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh năm 2023 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; điều chỉnh kế hoạch vốn nông thôn mới năm 2022 và kéo dài thời gian giải ngân vốn sự nghiệp của ngân sách tỉnh năm 2022 tại Quyết định số 1792/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Trên cơ sở nguồn kinh phí được chuyển nguồn các sở, ngành, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao đã tổ chức thực hiện đúng đối tượng, định mức, đảm bảo các quy định của pháp luật.

2. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15

- Thí điểm phân cấp cho cấp huyện: căn cứ tình hình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã có Văn bản số 2887/UBND-NL₅ ngày 23/5/2024 báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét việc tỉnh chưa lựa chọn huyện thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp cho cấp huyện trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024 - 2025.

- Điều chỉnh vốn từ các dự án thành phần không còn đối tượng hoặc có tỷ lệ giải ngân thấp để bổ sung cho các dự án thành phần khác: thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành: (1) Quyết định 2448/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 về việc điều chỉnh dự toán chi thường xuyên các chương trình mục tiêu quốc gia chưa giải ngân hết năm 2023 sang năm 2024 theo đó, điều chỉnh 7.622.080.000 đồng (ngân sách Trung ương: 7.172.080.000 đồng, ngân sách tỉnh: 450 triệu đồng) vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo năm 2022, 2023 chưa giải ngân sang thực hiện năm 2024; số kinh phí còn lại chưa giải ngân và không đề xuất điều chỉnh được điều chuyển sang năm 2024 để tiếp tục thực hiện; (2) Quyết định số 2754/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 về việc điều chỉnh kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024, theo đó điều chỉnh 3.594,1 triệu đồng (ngân sách Trung ương:

3.283,1 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 311 triệu đồng) từ các dự án có khả năng giải ngân thấp sang các dự án, tiểu dự án có khả năng giải ngân cao.

- Ban hành quy định trình tự, thủ tục, tiêu chí mẫu hồ sơ lựa chọn dự án phát triển sản xuất: Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Nghị quyết số 79/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 quy định nội dung, mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025; Nghị quyết số 122/2023 ngày 08/12/2023 quy định nội dung, mức hỗ trợ, mức chi ngân sách nhà nước, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2024 - 2025.

3. Thuận lợi, khó khăn, trong thực hiện

- Thuận lợi: cho phép điều chỉnh kế hoạch vốn của các dự án đã kéo dài sang cho dự án khác có nhu cầu vốn; cho phép điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước từ dự án thành phần không còn đối tượng hỗ trợ hoặc không đủ điều kiện để giải ngân theo quy định, hoặc có tỷ lệ giải ngân thấp để bổ sung dự toán thực hiện cho các dự án thành phần khác trong cùng Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Khó khăn: việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước, điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm có thể dẫn đến thay đổi mục tiêu cụ thể của từng Chương trình mục tiêu quốc gia đã được phê duyệt. Việc điều chỉnh kế hoạch trung hạn sẽ mất khá nhiều thời gian.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Được sự quan tâm của các bộ, ngành Trung ương; sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh trong tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; các huyện, thành phố, thị xã đã chủ động triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến đến cơ sở đã tích cực trong công tác tuyên truyền, vận động, giám sát và phản biện, cùng với sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, đã tạo được sức lan tỏa, sự đồng thuận hưởng ứng tích cực của các tầng lớp Nhân dân.

- Các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao cơ bản đã bám sát nhiệm vụ, chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, giám sát quá trình triển khai Chương trình tại các địa phương.

- Các chính sách, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đã được các cấp, các ngành quan tâm tổ chức triển khai tốt, tác động trực tiếp đến nhiều lĩnh vực, giúp đời sống của các đối tượng được thụ hưởng được nâng cao và ổn định.

- Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 được thực hiện công khai, minh bạch từ việc xác định đối tượng hỗ trợ đến việc phân bổ vốn nguồn vốn, kiểm tra, giám sát của các cơ quan Trung ương, địa phương, cộng đồng, người dân, đặc biệt là sự giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và Hội đồng nhân dân các cấp.

- Phong trào Hà Tĩnh chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau được các địa phương hưởng ứng và triển khai thi đua thực hiện hiệu quả, góp phần giảm nghèo nhanh, bền vững.

2. Tồn tại, vướng mắc phát sinh và nguyên nhân

a) Hạn chế, khó khăn

- Công tác chỉ đạo, triển khai một số dự án tại địa phương vẫn đang chậm; việc triển khai thực hiện một số chương trình, dự án, đặc biệt một số dự án hỗ trợ sản xuất, nhân rộng mô hình được triển khai ở các địa phương hiệu quả chưa được cao; một số mô hình cây, con, giống chưa phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương; chưa phát huy hết tính tự chủ, tham gia tích cực của các hộ dân.

- Trung ương chưa có quy định khái niệm: “*người lao động có thu nhập thấp*” do đó chưa thể xác định đối tượng để mở các lớp đào tạo nghề hoặc để xác định đối tượng hỗ trợ.

- Quy mô đối tượng tham gia các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo khá hạn chế, vì hiện nay, Hà Tĩnh có hơn 69% hộ nghèo không có khả năng lao động, hơn 38% hộ cận nghèo không có khả năng lao động.

b) Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan

+ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ chưa quy định rõ người lao động có thu nhập thấp, chưa đánh giá kỹ tác động chính sách. Mặc dù, hiện nay Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Tờ trình đề nghị Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, quy định rõ các khái niệm nêu trên nhưng đến nay vẫn chưa được thông qua.

+ Tỉnh Hà Tĩnh thực hiện Đề án thí điểm tỉnh xây dựng nông thôn mới, bên cạnh đó các chính sách an sinh xã hội ngày càng được thực hiện tốt do đó người dân được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, nhà ở, vệ sinh môi trường, tiếp cận thông tin, hỗ trợ khám chữa bệnh...) do đó nhóm hộ nghèo của Hà Tĩnh cơ bản là những hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội, không có khả năng lao động.

- Nguyên nhân chủ quan

+ Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững chưa quyết liệt, chưa thật sự sâu sát. Nhận thức của một bộ phận Nhân dân, nhất là một số hộ nghèo vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại để được thụ hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, thiếu nỗ lực vươn lên.

+ Một số địa phương còn gặp nhiều lúng túng trong công tác thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo khi triển khai.

3. Bài học kinh nghiệm

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự điều hành của chính quyền và huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và Nhân dân thực hiện chính sách giảm nghèo theo hướng bền vững.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm làm chuyển biến về nhận thức của người dân trong công tác giảm nghèo, ý thức được trách nhiệm của mình, từ đó tự vươn lên thoát nghèo, tránh tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước.

- Thực hiện lồng ghép tốt các chương trình, dự án, nguồn vốn để thực hiện mục tiêu giảm nghèo, bằng một cơ chế chỉ đạo tập trung thống nhất từ cấp tỉnh đến cơ sở.

- Xác định rõ nguyên nhân nghèo của từng địa phương, từ đó xây dựng chương trình, kế hoạch giảm nghèo với những giải pháp phù hợp, đúng hướng, giúp người nghèo vươn lên thoát nghèo.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, thoát cận nghèo để kịp thời có các giải pháp hỗ trợ các địa phương khắc phục những tồn tại, khó khăn.

- Đẩy mạnh công tác xây dựng nhân rộng mô hình giảm nghèo với phương châm mỗi địa phương có một mô hình hiệu quả; phát huy hệ thống dạy nghề, tập trung ngành nghề gắn với thực tiễn sản xuất, nhu cầu học nghề của từng đối tượng và nhu cầu việc làm; tổ chức sơ, tổng kết kịp thời.

VI. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Chính phủ: xem xét, tách riêng việc đánh giá hộ nghèo không có khả năng lao động trong việc đánh giá mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo hàng năm; đối với nhóm hộ nghèo có khả năng lao động thì cần có các chính sách hỗ trợ lớn hơn, chu kỳ hỗ trợ có thể thực hiện cả giai đoạn (kể cả khi họ đã thoát nghèo, thoát cận nghèo) nhằm duy trì tính bền vững trong giảm nghèo.

2. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường (sau khi tiếp nhận nhiệm vụ giảm nghèo từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) xây dựng phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ thông tin báo cáo, giám sát, đánh giá quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG, ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Căn cứ pháp lý

- Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế, quản lý tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025.

2. Căn cứ thực tiễn

- Cần mở rộng chính sách bảo trợ xã hội đối với nhóm hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động; nhóm hộ nghèo thuộc chính sách ưu đãi người có công với cách mạng.

- Cần tiếp tục quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng đối với các xã vùng biên giới, các xã vùng bãi ngang ven biển. Việc giải quyết đào tạo nghề, giải quyết việc làm; tạo sinh kế, thu nhập là vấn đề cốt lõi cần quan tâm nhằm duy trì tính bền vững trong công tác giảm nghèo.

- Mở rộng phạm vi đối tượng thụ hưởng các chính sách dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình như người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

II. MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Mục tiêu chung: thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm từ 0,5 - 0,6%.
- Có 100% xã có tỷ lệ nghèo đa chiều đạt chuẩn nông thôn mới theo bộ tiêu chí áp dụng cho giai đoạn 2026 - 2030.

III. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG, DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN CẦN THỰC HIỆN¹⁰

1. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

- Tiếp tục hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững.

- Đề xuất kinh phí thực hiện: 66.541 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 59.887.

2. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

- Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp:
+ Đẩy mạnh hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững;

+ Đề xuất kinh phí thực hiện: 34.809 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 31.328 triệu đồng.

- Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng:

¹⁰ Dự kiến đề xuất kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2026 - 2030: thực hiện Văn bản số 5099/UBND-TH ngày 30/8/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh, Sở LĐ-TB&XH Hà Tĩnh đã có báo cáo số 172/BC/SLĐTBXH ngày 16/9/2024 đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025 và xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 đối với vốn CT MTQG GN bền vững.

+ Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn tỉnh;

+ Đề xuất kinh phí thực hiện: 14.057 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 12.651 triệu đồng.

3. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

- Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp:

+ Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp, gắn kết giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống;

+ Đề xuất kinh phí thực hiện: 12.120 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 10.908 triệu đồng.

- Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững:

+ Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; hỗ trợ điều tra, thu thập thông tin thị trường lao động;

+ Đề xuất kinh phí thực hiện: 11.087 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 9.976 triệu đồng.

4. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

- Tiêu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin:

+ Tăng cường tiếp cận thông tin thiết yếu cho người dân; nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông;

+ Đề xuất kinh phí thực hiện: 12.209 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 10.988 triệu đồng.

- Tiêu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo:

+ Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội;

+ Đề xuất kinh phí thực hiện: 8.380 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 7.542 triệu đồng.

5. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá thực hiện Chương trình

- Tiêu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình:

+ Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng tái nghèo;

+ Đề xuất kinh phí thực hiện: 12.060 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 10.854 triệu đồng.

- Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá chương trình:

+ Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; hướng dẫn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm;

+ Đề xuất kinh phí thực hiện: 8.393 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 7.554 triệu đồng.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Đề nghị Quốc hội sớm xem xét, ban hành nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2030 vào cuối năm 2025 hoặc đầu năm 2026; đồng thời phân bổ nguồn lực cho các ngành, các địa phương ngay từ đầu giai đoạn.

2. Đề nghị Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia ngay từ đầu giai đoạn; đồng thời tiếp tục nghiên cứu tiếp tục phân cấp, phân quyền để các địa phương chủ động triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- VP Quốc gia giảm nghèo;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Chánh VP, PCVP Trần Tuấn Nghĩa;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, VX₂.

(B/c)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Tất Thắng